

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 38

CÔNG
H N
TOÀ
VIỆ
GI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên
Ông Phạm Hùng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Cao Minh Tâm	Giám đốc
Ông Dương Quang Hưng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



Cao Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Số: 353 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/03/2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2016. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của số dư công nợ phải thu, phải trả nêu trên, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon và Công ty CP Xây lắp sản xuất công nghiệp Phát Linh là chưa phù hợp với quy định của Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 28/06/2013. Nếu thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư nêu trên thì chi tiêu chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp sẽ tăng lên và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm với giá trị ước tính là 1.385.587.726 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Khoản chi phí trả trước dài hạn phát sinh từ những năm tài chính trước với giá trị 797.188.034 đồng của Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới chưa được phân bổ vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán chúng tôi cũng không thể lượng hóa được số dự phòng cần phải trích lập. Theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến các khoản mục nêu trên cũng đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Lê Thị Hương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		376.947.907.701	411.878.504.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	32.596.208.283	21.946.364.852
1 Tiền	111		12.246.208.283	21.346.364.852
2 Các khoản tương đương tiền	112		20.350.000.000	600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	80.000.000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.03	-	80.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		195.883.745.988	184.900.648.577
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	81.526.053.787	113.002.482.601
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	34.524.482.844	17.108.489.062
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	103.712.335.183	79.668.802.740
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23.879.125.826)	(24.879.125.826)
IV. Hàng tồn kho	140		148.344.562.761	204.783.961.809
1 Hàng tồn kho	141	V.07	148.344.562.761	204.783.961.809
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		123.390.669	167.528.964
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	97.525.786	167.528.964
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.864.883	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.099.025.021	42.098.606.640
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.871.277.052	12.345.185.499
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	15.091.443.537	11.549.059.252
- Nguyên giá	222		34.213.063.112	36.657.457.996
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.121.619.575)	(25.108.398.744)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	779.833.515	796.126.247
- Nguyên giá	228		814.636.601	814.636.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.803.086)	(18.510.354)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	12.564.172.608	10.838.644.214
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.564.172.608	10.838.644.214
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03	15.880.000.000	15.880.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.200.000.000	12.200.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		3.680.000.000	3.680.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.783.575.361	3.034.776.927
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.783.575.361	3.034.776.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		427.046.932.722	453.977.110.842

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

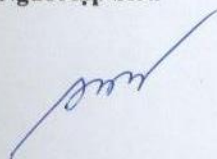
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		374.160.505.095	403.683.096.025
I. Nợ ngắn hạn	310		370.810.330.234	399.316.742.795
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	143.579.868.899	135.071.866.422
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	103.891.768.357	95.948.148.531
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.304.322.834	17.776.977.033
4 Phải trả người lao động	314		1.433.679.541	2.788.797.610
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.931.894.466	5.140.650.029
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	81.818.182	81.818.181
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	67.721.862.875	88.957.268.851
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	30.749.941.785	53.409.192.843
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		115.173.295	142.023.295
II. Nợ dài hạn	330		3.350.174.861	4.366.353.230
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.18	50.000.000	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	3.300.174.861	4.366.353.230
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.886.427.627	50.294.014.817
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	52.886.427.627	50.294.014.817
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	45.450.000.000
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		4.498.950.000	4.498.950.000
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.937.477.627	345.064.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		345.064.817	116.001.880
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.592.412.810	229.062.937
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		427.046.932.722	453.977.110.842

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Tuấn Anh

Đỗ Văn Hùng

Cao Minh Tâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243.718.701.733	252.957.564.164
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		243.718.701.733	252.957.564.164
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	227.622.721.176	232.872.034.412
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.095.980.557	20.085.529.752
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	465.955.707	1.974.159.415
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	3.460.475.607	6.399.011.992
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.460.475.607	6.399.011.992
8 Chi phí bán hàng	24	VI.7	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	8.567.772.061	15.027.559.361
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.533.688.596	633.117.814
11 Thu nhập khác	31	VI.5	1.420.079.593	991.824.048
12 Chi phí khác	32	VI.6	2.382.186.252	339.863.628
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(962.106.659)	651.960.420
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		3.571.581.937	1.285.078.234
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	979.169.127	1.056.015.297
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.592.412.810	229.062.937
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	570,39	50,40

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Tuấn Anh

Đỗ Văn Hùng

Cao Minh Tâm



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.571.581.937	1.285.078.234
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.231.737.242	2.448.962.335
- Các khoản dự phòng	03		(1.000.000.000)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(465.955.707)	(2.757.302.621)
- Chi phí lãi vay	06		3.460.475.607	6.399.011.992
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.797.839.079	7.375.749.940
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.008.962.294)	(22.057.430.660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		56.439.399.048	4.496.041.401
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(19.371.670.552)	39.692.453.454
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.678.795.256)	(2.019.077.530)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.460.475.607)	(5.680.207.039)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.616.084.119)	(671.376.671)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(26.850.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.074.400.299	21.136.152.895
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.611.982.939)	(5.872.615.007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	783.139.206
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		80.000.000	(80.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	5.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		571.955.707	1.974.163.415
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.960.027.232)	1.904.687.614
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		54.601.456.271	84.483.660.657
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.032.208.067)	(106.628.213.878)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.777.840)	(3.839.758.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.464.529.636)	(25.984.311.809)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.649.843.431	(2.943.471.300)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.946.364.852	24.889.836.152
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	32.596.208.283	21.946.364.852

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Tuấn Anh

Đỗ Văn Hùng



Cao Minh Tâm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp với tên giao dịch quốc tế là Construction and Industrial Production Joint stock Company, viết tắt CIPC và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101058736 đăng ký lần đầu ngày 31/03/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 ngày 04/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101058736 thay đổi lần 8 ngày 04/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là: **45.450.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà...
- Đại lý môi giới đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất khác chưa được phân vào đâu./

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty***

Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới - Địa chỉ: Số 150/72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình - Địa chỉ: Số 1 Đại Đồng, Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Danh sách Công ty liên kết của Công tyCông ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon - Địa chỉ: Thôn Tháp Phan, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, Hải Dương
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 20%Công ty CP Bao bì Sông Công - Địa chỉ: Tổ dân phố 4A, phường Phố Cò, TP Sông Công, Thái Nguyên
- Tỷ lệ phần sở hữu: 38%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 38%**6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm tài chính 2016, Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp Xí nghiệp số 5 đơn vị phụ thuộc của Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi sang Công ty cổ phần. Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp đã tiến hành đánh giá, xác định lại giá trị tài sản và thực hiện bàn giao số liệu của Chi nhánh sang Công ty cổ phần.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc và giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau đã được bù trừ khi tổng hợp báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại thời điểm 31/12/2016 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá. Tại thời điểm 31/12/2016 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 08
- Máy móc thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
- Tài sản cố định khác	03

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao là 50 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí của các công trình như dự án Xuân Phương, xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới và dự án khu nhà làm việc Xí nghiệp Xây lắp 7 được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và hợp đồng vay/ hợp đồng tín dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm lãi vay phải trả và các khoản trích trước chi phí công trình. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình được tuân thủ các nguyên tắc: Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

Chi phí lãi vay phải trả, được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà xưởng, văn phòng của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng, cầu thép, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, ký quỹ và cổ tức, lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác là các khoản thu từ chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định và thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Biên bản đánh giá và xác định giá trị của Xí nghiệp Xây lắp số 5 và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận và tập hợp theo giá trị thực tế chi phí phát sinh trong kỳ, phù hợp với quy chế giao khoán của Công ty và phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	12.246.208.283	21.346.364.852
Tiền mặt	470.146.101	144.861.889
Tiền gửi ngân hàng	11.776.062.182	21.201.502.963
Các khoản tương đương tiền	20.350.000.000	600.000.000
Cộng	32.596.208.283	21.946.364.852

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	6.693.785.916	-	6.693.785.916	-
Công ty CP TCE VINA DENIM	1.092.597.880	-	1.092.597.880	-
BQLDA Đầu tư và Xây dựng EMICO	1.132.377.000	-	1.132.377.000	-
BQLDA Khu vực phía nam - Ngân hàng BIDV	1.485.020.058	-	2.494.304.334	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	6.493.662.439	-	6.493.662.439	-
Cục thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh	7.290.658.381	-	7.361.014.890	-
Bưu điện tỉnh Hà Giang	1.721.014.001	-	6.289.976.001	-
Công ty Bất động sản Viettel	1.097.651.184	-	3.696.103.833	-
Trung tâm Phát triển quỹ đất	1.459.553.964	-	1.459.553.964	-
Công ty CP Nhà máy giấy An Hòa	1.095.040.976	-	1.533.013.071	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hải Dương	581.249.394	-	581.249.394	-
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - CN Tập đoàn Viễn thông quân đội	3.256.727.270	-	-	-
Trường Đại học Công nghiệp Việt Hưng	1.746.797.800	-	-	-
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	9.512.074.601	-	-	-
Trường cao đẳng Bách nghệ Tây Hà	1.582.349.225	-	1.582.349.225	-
Các đối tượng khác	22.992.584.749	6.999.797.550	18.622.078.556	6.999.797.550
<i>Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới</i>				
Công trình Xây dựng & Lắp đặt kết cấu nhà xưởng nghiên cứu số 3	1.402.668.934	-	1.402.668.934	-
Công ty Tâm Phúc	1.230.852.400	-	1.230.852.400	-
Các đối tượng khác	6.501.588.065	521.466.159	6.684.488.065	521.466.159

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình

Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công nghệ mới Hà Nội	-	-	578.478.459	-
Công ty CP Kết cấu không gian TADITS	444.047.372	-	444.047.372	-
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Cường	1.298.444.260	-	-	-
Công ty TNHH Hà Hưng	243.253.224	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 25.K	180.141.065	-	-	-
Các đối tượng khác	991.913.629	-	2.016.112.009	-
Xí nghiệp Xây lắp 5				
Ban Quản lý công trình Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	-	-	2.388.981.354	-
Ban Quản lý các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh - Đội Ông Tùng	-	-	8.009.220.160	-
Ban Quản lý các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh - Đội Ông Kiên	-	-	3.608.367.937	-
Ban Quản lý các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh -Đội Ông Khoa	-	-	4.174.222.770	-
Ban Quản lý các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh - Đội Ông Nhân	-	-	1.212.002.357	-
Ban Quản lý các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh - Đội Ông Đồng	-	-	1.692.312.311	-
Ban Quản lý các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh - Đội Ông Thành	-	-	1.113.737.131	-
Ban Quản lý Công trình Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phúc Yên	-	-	11.044.043.541	-
Công ty TNHH MTV Nam Phong	-	-	4.196.697.400	-
Các đối tượng khác	-	-	4.174.183.898	-
Cộng	81.526.053.787	7.521.263.709	113.002.482.601	7.521.263.709

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	80.000.000	80.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	-	80.000.000	80.000.000
Cộng	-	-	80.000.000	80.000.000

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.880.000.000	-	15.880.000.000	15.880.000.000	-	15.880.000.000
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	12.200.000.000	-	12.200.000.000	12.200.000.000	-	12.200.000.000
Công ty CP Bao bì Sông Công	4.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	3.680.000.000	-	3.680.000.000	3.680.000.000	-	3.680.000.000
Công ty CP Xây lắp sản xuất công nghiệp Phát Linh	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	2.180.000.000	-	2.180.000.000	2.180.000.000	-	2.180.000.000
Cộng	15.880.000.000	-	15.880.000.000	15.880.000.000	-	15.880.000.000

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600422297 ngày 07/03/2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 11.057.500.000 đồng.

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800727161 cấp ngày 08/07/2014 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng.

(* Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ đi dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty CP Nhân Bình Tây Đô	-	2.192.009.120
Công ty TNHH Xây lắp và Sản xuất thép Triển Phát	166.576.688	1.370.268.971
Công ty CP Thép An Bình	2.696.869.828	-
Công ty TNHH Xây dựng 902 Việt Nam	7.300.122.100	-
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hồng Hà	11.450.000.000	-
Công ty TNHH 27/7 Ninh Bình	666.899.825	666.899.825
Công ty CP Xây lắp Điện nước & Thương mại SD	2.128.433.700	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại xây dựng TPA	1.080.070.200	-
Các đối tượng khác	6.792.939.391	10.986.204.398
<i>Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình</i>		
Công ty TNHH HT Thương mại An Hưng	28.789.500	39.063.000
Công ty TNHH Tuấn Lâm	66.229.931	66.229.931
Công ty CP Sản xuất thương mại thép Phú Thành	215.164.529	-
Các đối tượng khác	271.745.125	127.171.790
Cộng	34.524.482.844	17.108.489.062

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
<i>Phải thu khác</i>	58.598.077.728	6.997.223.914	25.517.434.406	7.997.223.914
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ thương mại Hà Nội	1.266.811.413	-	392.298.021	-
Công ty 27/7 Ninh Bình	3.628.925.510	-	1.872.033.890	-
Ông Thụ Đội 7 - Công trình đường Nam Sóc Sơn	2.325.598.182	-	1.264.221.422	-
Ông Hưng Đội 8 - Công trình BIDV Bạc Liêu	15.321.154.214	-	1.767.695.530	-
Ông Tĩnh - Công trình khu đất 1,65 ha Cổ Nhuế	3.300.020.729	-	2.497.830.729	-
Tân - Công trình gia cố Sông Nhuệ	4.067.968.278	-	3.422.299.178	-
Thiện - Công trình Viettel Cà Mau	5.707.072.059	-	1.261.098.475	-
Huệ - Công trình Trụ sở Ngân hàng Vietinbank Bến Tre	3.744.043.049	-	133.528.166	-
Công ty TNHH Tâm Phúc	1.744.904.532	-	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Trần Mạnh Tú - Vay lương công trình Trường Cao đẳng nghề Hàn Quốc	2.474.393.050	-	671.712.289	-
Trần Văn Phúc - Lãi vay	2.440.055.533	2.056.661.988	347.836.305	2.106.661.988
Phí Hoàng Minh - Lãi vay	1.028.384.245	-	118.346.276	-
Trung - Nhà máy Gang thép Thái Nguyên	1.025.946.898	-	1.025.946.898	-
Các đối tượng khác	10.522.800.036	4.940.561.926	10.742.587.227	5.890.561.926
Tạm ứng	14.491.708.259	8.545.291.952	11.188.643.850	8.545.291.952
Cao Minh Tâm	-	-	14.745.100	-
Trần Thu Hằng	161.000.000	-	201.000.000	-
Nguyễn Thị Thùy Dương	488.700.000	-	488.700.000	-
Nguyễn Thị Lựu	167.099.000	-	167.099.000	-
Trần Thanh Việt	1.693.788.755	-	798.788.755	-
Các đối tượng khác	11.981.120.504	8.545.291.952	9.518.310.995	8.545.291.952
Dư nợ TK 3382	-	-	12.074.050	-
Dư nợ TK 3388	1.091.520.000	-	9.758.674.453	-
Công ty CP Thép Việt Trung	-	-	1.438.674.453	-
Công ty Hiện Long Việt Nam	1.080.000.000	-	8.320.000.000	-
Đối tượng khác	11.520.000	-	-	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	94.630.772	-
Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới				
Phải thu khác	1.652.585.010	-	1.652.585.010	-
Phạm Ngọc Sơn - Nhà máy khoáng sản Hòa Bình	622.017.848	-	622.017.848	-
Nguyễn Nam Du - Công trình Hệ thống điện ngoài nhà ga Miền Bắc	312.204.692	-	312.204.692	-
Các đối tượng khác	718.362.470	-	718.362.470	-
Dư nợ TK 3388	3.801.476.540	-	3.801.476.540	-
Bùi Chí Thành - Cải tạo trạm điện phân phát sinh	1.093.616.000	-	1.093.616.000	-
Dương Quang Hưng - Xây dựng Xưởng Cơ khí chính xác	1.390.678.728	-	1.390.678.728	-
Các đối tượng khác	1.317.181.812	-	1.317.181.812	-
Tạm ứng	16.561.464.265	815.346.251	16.551.464.265	815.346.251
Đào Mạnh Hùng	2.929.134.237	815.346.251	2.929.134.237	815.346.251
Các đối tượng khác	13.632.330.028	-	13.622.330.028	-
Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình				
Các khoản phải thu khác	3.546.592.087	-	3.529.667.984	-
Hà Anh Tuấn	1.790.322.922	-	1.822.822.922	-
Nguyễn Anh Quân	1.238.501.550	-	1.255.309.550	-
Các đối tượng khác	517.767.615	-	451.535.512	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tạm ứng	3.742.918.076	-	2.563.101.162	-
Hà Anh Tuấn	321.329.140	-	321.329.140	-
Đặng Thị Hoà	604.828.250	-	604.828.250	-
Nguyễn Mai Loan	405.000.000	-	405.000.000	-
Nguyễn Bình Nguyên	388.115.800	-	100.000.000	-
Nguyễn Xuân Nguyên	568.490.000	-	26.490.000	-
Các đối tượng khác	1.455.154.886	-	1.105.453.772	-
Dư nợ TK 3388	225.993.218	-	202.450.557	-
Công ty CP Xây dựng và dịch vụ Phương Thắng	143.100.000	-	-	-
Các đối tượng khác	82.893.218	-	202.450.557	-
Xí nghiệp Xây lắp 5				
Các khoản phải thu khác	-	-	3.976.079.691	-
Phan Thanh Tùng	-	-	295.183.789	-
Ban quản lý các dự án Sở Nông nghiệp	-	-	300.000.000	-
Nguyễn Văn Kiêm	-	-	119.161.581	-
Phan Trọng Hùng Tú	-	-	914.161.110	-
Phạm Đăng Khoa	-	-	1.395.113.152	-
Các đối tượng khác	-	-	952.460.059	-
Tạm ứng	-	-	820.520.000	-
Nguyễn Văn Kiêm - Đội Xây dựng số 02	-	-	300.000.000	-
Phan Trọng Hùng Tú - Đội Xây dựng số 03	-	-	438.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	82.520.000	-
Cộng	103.712.335.183	16.357.862.117	79.668.802.740	17.357.862.117

6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
Văn phòng Công ty				
Dương Đức Hạnh	2.363.015.009	-	2.363.015.009	-
Hà Anh Tuấn	1.566.952.118	-	1.566.952.118	-
Đào Mạnh Hùng	3.557.177.865	-	3.557.177.865	-
Đỗ Xuân Trường	1.079.921.648	-	1.079.921.648	-
Công ty Chế tạo máy - Vinacomin	5.570.902.837	-	5.570.902.837	-
Ông Nguyễn Văn Hàm	975.562.239	-	1.875.562.239	-
Ông Trần Văn Phúc	2.056.661.988	-	2.106.661.988	-
Ông Phí Hoàng Minh	840.841.195	-	840.841.195	-
Đối tượng khác	4.531.278.517	-	4.581.278.517	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới

Đào Mạnh Hùng	1.336.812.410	-	1.336.812.410	-
Cộng	23.879.125.826	-	24.879.125.826	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.331.498.312	-	3.474.992.917	-
Công cụ, dụng cụ	11.129.136	-	9.028.454	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	147.001.935.313	-	201.299.940.438	-
Cộng	148.344.562.761	-	204.783.961.809	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm: Dự án Trung tâm giao dịch Công nghệ thương xuyên Hà Nội, Công trình nhà máy Xi măng Đồng Lâm, Dự án Quy hoạch tổng thể và xây dựng mới trường THCS Phan Chu Trinh, Dự án Tổ hợp nhà liên kế, trung tâm thương mại và căn hộ tại 82 Nguyễn Tuân - Hà Nội và các công trình khác.

8. Tài sản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Đầu tư dự án Xuân Phương	252.950.947	252.950.947
Xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới	12.264.503.479	10.556.975.085
Khu nhà làm việc Xí nghiệp xây lắp 7	46.718.182	28.718.182
Cộng	12.564.172.608	10.838.644.214

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2016	814.636.601	814.636.601
Số dư ngày 31/12/2016	814.636.601	814.636.601
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2016	18.510.354	18.510.354
Khấu hao trong năm	16.292.732	16.292.732
Số dư ngày 31/12/2016	34.803.086	34.803.086
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2016	796.126.247	796.126.247
Tại ngày 31/12/2016	779.833.515	779.833.515

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆPĐịa chỉ: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2016	15.640.315.371	9.977.071.960	8.669.265.818	297.684.544	2.073.120.303	36.657.457.996
Mua trong năm	-	4.886.454.545	-	-	-	4.886.454.545
Thanh lý, nhượng bán					(285.850.000)	(285.850.000)
Bàn giao số liệu Xí nghiệp Xây lắp số 5 sang Công ty cổ phần	(3.772.654.580)	-	(1.444.074.546)	(41.000.000)	(1.787.270.303)	(7.044.999.429)
Số dư ngày 31/12/2016	11.867.660.791	14.863.526.505	7.225.191.272	256.684.544	-	34.213.063.112
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2016	5.402.726.869	9.633.937.424	7.817.546.257	209.168.893	2.045.019.301	25.108.398.744
Khấu hao trong năm	459.038.392	212.133.452	528.636.301	15.636.366	-	1.215.444.510
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(285.850.000)	(285.850.000)
Bàn giao số liệu Xí nghiệp Xây lắp số 5 sang Công ty cổ phần	(3.693.018.013)	-	(1.440.269.698)	(23.916.667)	(1.759.169.301)	(6.916.373.679)
Số dư ngày 31/12/2016	2.168.747.248	9.846.070.876	6.905.912.860	200.888.592	-	19.121.619.575
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	10.237.588.502	343.134.536	851.719.561	88.515.651	28.101.002	11.549.059.252
Tại ngày 31/12/2016	9.698.913.543	5.017.455.629	319.278.412	55.795.952	-	15.091.443.537

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.839.284.545 VND

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày: 12.481.800.713 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	97.525.786	167.528.964
Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	97.525.786	167.528.964
b) Dài hạn	5.783.575.361	3.034.776.927
Chi phí CCDC chờ phân bổ cho Công trình DAP số 2 Lào Cai	-	9.000.000
Chi phí CCDC chờ phân bổ cho Công trình Sở giáo dục thường xuyên	4.197.485.299	1.418.597.194
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.586.090.062	1.607.179.733
Cộng	5.881.101.147	3.202.305.891

12. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CP Sản xuất công nghiệp xây lắp 3	1.286.866.455	1.286.866.455	5.855.828.455	5.855.828.455
Công ty CP Đầu tư xây dựng hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt	9.549.613.757	9.549.613.757	9.549.613.757	9.549.613.757
Công ty CP Đầu tư xây lắp II	11.128.232.393	11.128.232.393	16.461.585.065	16.461.585.065
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Phạm Nguyễn	284.811.988	284.811.988	284.811.988	284.811.988
Công ty TNHH Tâm Phúc	4.410.391.611	4.410.391.611	2.665.487.079	2.665.487.079
Công ty Tư vấn thiết kế Tập đoàn Hà Nội	1.509.424.000	1.509.424.000	307.366.000	307.366.000
Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hồng Hà	2.300.805.455	2.300.805.455	-	-
Công ty TNHH DELTA	3.350.329.533	3.350.329.533	3.350.329.533	3.350.329.533
Công ty TNHH Song Việt	2.189.709.457	2.189.709.457	2.189.709.457	2.189.709.457
Công ty TNHH 27/7 Ninh Bình	1.756.891.620	1.756.891.620	-	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiệp	4.041.282.500	4.041.282.500	-	-
Công ty TNHH Thương mại Thịnh vượng	1.169.135.902	1.169.135.902	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thu Ngân	2.502.416.240	2.502.416.240	-	-
Công ty CP Bê tông & Nền móng SH Thăng Long	859.366.200	859.366.200	-	-
Các đối tượng khác	84.759.654.853	84.759.654.853	54.082.599.498	54.082.599.498
<i>Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới</i>				
Du - Công trình hệ thống điện ngoài nhà ga Miền Bắc	538.221.860	538.221.860	538.221.860	538.221.860
Công ty Khoáng sản Hoà Bình	1.507.527.675	1.507.527.675	1.507.527.675	1.507.527.675
Hải - Công ty Việt Cường	809.140.502	809.140.502	809.140.502	809.140.502

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Vật liệu & Xây dựng Thông Nhất Hải Phòng	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Tuấn Khanh	505.970.000	505.970.000	505.970.000	505.970.000
Các đối tượng khác	3.133.819.277	3.133.819.277	3.831.876.792	3.831.876.792
Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình				
Công ty CP Kinh doanh thép hình	2.666.502.273	2.666.502.273	1.837.165.962	1.837.165.962
Nhà máy Bê tông kết cấu thép xây dựng Đông Anh	289.749.015	289.749.015	360.002.515	360.002.515
Xí nghiệp Bu lông ốc vít Từ Sơn	246.716.423	246.716.423	-	-
Công ty Thương mại và Đầu tư Hương Nguyên	525.012.807	525.012.807	328.401.305	328.401.305
Các đối tượng khác	1.508.277.103	1.508.277.103	1.027.548.344	1.027.548.344
Xí nghiệp Xây lắp 5				
Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Sơn Hải	-	-	157.725.678	157.725.678
Công ty TNHH Việt Quang	-	-	601.901.528	601.901.528
Công ty TNHH Vận tải và Kinh doanh vật liệu xây dựng Minh Quế	-	-	2.205.569.883	2.205.569.883
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Viết Hải	-	-	975.846.707	975.846.707
Bùi Văn Xuân	-	-	1.580.354.202	1.580.354.202
Doanh nghiệp tư nhân Anh Dũng	-	-	637.943.075	637.943.075
Công ty CP Thanh Tâm	-	-	1.622.643.999	1.622.643.999
Công ty CP Xây lắp và Xử lý nền móng Hà Tĩnh	-	-	1.268.346.172	1.268.346.172
Công ty TNHH Thương mại Hùng Sang	-	-	2.279.215.469	2.279.215.469
Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng 2003	-	-	1.035.512.408	1.035.512.408
Doanh nghiệp tư nhân Kim khí Thanh Huyền	-	-	344.248.641	344.248.641
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Tiến Tài	-	-	1.556.854.994	1.556.854.994
Công ty TNHH Tâm Viết Hải	-	-	1.497.114.120	1.497.114.120
Công ty CP Hoàn thiện nội thất Đại Dương	-	-	1.454.001.995	1.454.001.995
Các đối tượng khác	-	-	11.611.401.764	11.611.401.764
Cộng	143.579.868.899	143.579.868.899	135.071.866.422	135.071.866.422

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆPĐịa chỉ: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Các khoản vay	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	30.749.941.785	30.749.941.785	54.637.634.640	77.296.885.698	53.409.192.843	53.409.192.843
<i>Văn phòng Công ty</i>						
SGD Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (1)	27.902.220.254	27.902.220.254	54.357.634.640	59.167.341.590	32.711.927.204	32.711.927.204
Trần Ngọc Anh (2)	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	700.000.000
Lê Diệu Linh (3)	130.000.000	130.000.000	130.000.000	-	-	-
Đặng Thu Hiền	227.000.000	227.000.000	-	-	227.000.000	227.000.000
Các cá nhân khác	115.001.384	115.001.384	-	-	115.001.384	115.001.384
<i>Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới</i>						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Hà Nội (4)	198.392.394	198.392.394	-	3.328.688.108	3.527.080.502	3.527.080.502
Ông Hùng - PGĐ cũ Xí nghiệp	50.003.885	50.003.885	-	-	50.003.885	50.003.885
Đoàn Hồng Kỳ	19.986.490	19.986.490	-	-	19.986.490	19.986.490
Lương Xuân Hương	16.383.259	16.383.259	-	-	16.383.259	16.383.259
Bùi Chí Mưu	292.600.000	292.600.000	-	-	292.600.000	292.600.000
Phạm Mạnh Cường	6.886.940	6.886.940	-	-	6.886.940	6.886.940
Nguyễn Vũ Quốc	2.329.407	2.329.407	-	-	2.329.407	2.329.407
Bùi Chí Thành	219.055.517	219.055.517	-	-	219.055.517	219.055.517
Đào Văn Tân	98.281.346	98.281.346	-	117.252.134	215.533.480	215.533.480
Phạm Đức Thắng	121.640.995	121.640.995	-	-	121.640.995	121.640.995
Ông Vinh	302.113.534	302.113.534	-	-	302.113.534	302.113.534

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình (5)							
Nguyễn Linh Chi	68.465.612	68.465.612	-	-	68.465.612	68.465.612	
Nông Minh Hà	27.580.768	27.580.768	-	-	27.580.768	27.580.768	
Nguyễn Thị Hoa	-	-	-	-	-	-	
Vay vốn Đức Giang	2.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000	2.000.000	
Đặng Thị Hòa	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000	
Vũ Minh Phương	-	-	-	470.000.000	470.000.000	470.000.000	
Công ty Đá vôi Quang Sơn	150.000.000	150.000.000	150.000.000	-	-	-	
Xí nghiệp Xây lắp 5 (6)							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	-	-	-	3.566.080.000	3.566.080.000	3.566.080.000	
Vay cá nhân	-	-	-	10.647.523.866	10.647.523.866	10.647.523.866	
b) Vay dài hạn	3.300.174.861	3.300.174.861	-	1.066.178.369	4.366.353.230	4.366.353.230	
Văn phòng Công ty							
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hai Bà Trưng (7)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	1.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình							
Lã Thúy Huệ	44.809.854	44.809.854	-	36.178.369	80.988.223	80.988.223	
Nguyễn Thị Thông	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000	60.000.000	60.000.000	
Nguyễn Thị Lựu	225.365.006	225.365.006	-	-	225.365.006	225.365.006	
Cộng	34.050.116.646	34.050.116.646	54.637.634.640	78.363.064.067	57.775.546.073	57.775.546.073	

Vay ngắn hạn:

(1): Khoản vay ngắn hạn Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/14/HĐTĐHM ngày 10/08/2016, tổng mức dư nợ tối đa là 65.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/07/2017; lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay là nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

(2) Khoản vay ngắn hạn bà Trần Ngọc Anh theo Hợp đồng vay vốn số 2015/HĐ ngày 24/04/2015, số tiền vay: 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 09 tháng, lãi suất huy động vốn 12%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và Hợp đồng vay vốn số 2015/HĐ ngày 31/3/2015, số tiền vay: 600.000.000 đồng. Thời hạn vay 9 tháng, lãi suất huy động vốn 12%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua vật tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(3) Khoản vay ngắn hạn bà Lê Diệu Linh theo Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐ ngày 15/7/2016. Số tiền vay 130.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam tại thời điểm vay. Thời hạn vay 9 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay là nhằm mua vật tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(4) Khoản vay theo hợp đồng vay số 1480-LAY-201100473/HĐTD ngày 30/5/2011. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng, vốn xin bảo lãnh 10.000.000.000 đồng. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ hoặc theo thông báo của Ngân hàng.

(5) Các khoản vay ngắn hạn của Xí nghiệp là các khoản vay cá nhân thời hạn 12 tháng với lãi suất hàng tháng từ 1%. Riêng khoản vay của Công ty CP Đá vôi Quang Sơn không có hợp đồng quy định thời hạn và lãi suất cụ thể, trong năm công ty không hạch toán lãi vay.

(6) Các khoản vay này được bàn giao từ Xí nghiệp Xây lắp số 5 sang Công ty cổ phần.

Vay dài hạn:

(6) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/14/HĐTD ngày 13/11/2014. Mục đích vay để đầu tư mới sân vận phòng làm việc tại Khu B tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu, thời gian ân hạn khoản vay từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25/01/2015. Lãi suất cho vay trong hạn: điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý trong năm theo công thức: Lãi suất huy động tiết kiệm vốn dân cư Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm nhưng không vượt trần lãi suất vay theo quy định của ngân hàng (nếu có). Lãi suất áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 31/12/2014 là 11,0%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng mua bán nhà văn phòng số 233/HĐMB/SĐ-HĐ ngày 29/09/2014.

(7) Các khoản vay dài hạn của Công ty là các khoản vay cá nhân thời hạn 36 tháng với lãi suất 1%/tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	-	4.353.457.932
Ban Quản lý dự án Sở Lao động thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội	2.395.956.000	2.395.956.000
Ban Quản lý dự án Huyện Thanh Trì	2.984.578.000	2.937.454.000
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.433.129.345	1.433.129.345
Ban Quản lý dự án các khu vực phía Nam - Ngân Hàng BIDV	8.024.928.838	1.664.880.552
Học viện Tư pháp	-	23.573.938.819
Ban Quản lý dự án giao thông đô thị	2.003.202.000	2.003.202.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	2.276.016.646	2.276.016.646
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bến Tre	3.363.834.000	150.170.000
Ban Quản lý dự án từ nguồn vốn ngân sách Sở Khoa học công nghệ Hà Nội	-	14.631.433.000
Ban Quản lý dự án giao thông I	-	3.165.415.000
Trường Đại học Công nghiệp Việt Hưng	-	9.000.000.000
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - CN Tập đoàn Viễn thông quân đội	-	6.426.285.590
Công ty TNHH Thống nhất Bắc Việt	17.037.723.002	-
Ban Quản lý dự án Quận Ba Đình	37.124.000.000	-
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	12.052.638.026	-
Công ty Truyền tải điện I	1.965.894.847	-
Các đối tượng khác	3.647.502.913	2.329.764.106
<i>Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới</i>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	1.918.168.600	1.918.168.600
Đài phát thanh Mễ Trì - TT3	1.834.201.980	1.834.201.980
Công ty Cơ khí Hà Nội	1.097.676.797	1.097.676.797
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2	1.093.616.000	1.093.616.000
Ban Quản lý dự án đầu tư và Xây dựng EMICO	1.116.482.000	1.116.482.000
Các đối tượng khác	672.192.063	672.192.063
<i>Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình</i>		
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp số 5	-	950.000.000
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	-	330.000.000
Công ty Tân Thành Đồng	1.400.000.000	-
Các đối tượng khác	450.027.300	370.027.300
<i>Xí nghiệp Xây lắp 5</i>		
BQL các công trình XD CB thị xã Hồng Lĩnh	-	4.711.493.801
Công ty TNHH MTV Nam Phong	-	3.124.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Khánh Môn	-	587.187.000
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	-	1.802.000.000
Cộng	103.891.768.357	95.948.148.531

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp				
Thuế GTGT (*)	9.926.785.689	6.774.700.307	7.288.873.904	9.412.612.092
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.451.196.443	979.169.127	1.616.084.119	2.814.281.451
Thuế Thu nhập cá nhân (*)	153.802.509	11.256.000	66.341.863	98.716.646
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.245.192.392	2.226.890.399	3.493.370.146	2.978.712.645
Thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Cộng	17.776.977.033	9.996.515.833	12.469.170.032	15.304.322.834

(*): Khoản thuế GTGT với giá trị 2.046.866.485 đồng và thuế thu nhập cá nhân với giá trị: 61.728.875 đồng được bàn giao từ Xi nghiệp Xây lắp số 5 sang Công ty cổ phần.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	3.921.747.341	5.139.650.029
Trích trước chi phí công trình điện Quốc lộ 1A Văn Điển - Ngọc Hồi	80.881.911	-
Trích trước chi phí công trình Linh - Điện Cẩm Khê - Phú Thọ	309.143.932	-
Trích trước chi phí công trình Viettel Hà Giang	248.280.903	-
Trích trước chi phí công trình Trung tâm giao dịch khoa học công nghệ	3.144.932.898	-
Trích trước chi phí công trình nhà máy sữa tương lai		1.000.000
Trích trước chi phí các công trình khác	226.907.481	-
Cộng	7.931.894.466	5.140.650.029

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, văn phòng	81.818.182	81.818.181
Cộng	81.818.182	81.818.181

18. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	67.721.862.875	88.957.268.851
Kinh phí công đoàn	49.479.108	322.154.216
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	742.155.848	1.791.299.005
Các khoản phải trả khác	66.930.227.919	86.843.815.630

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Dài hạn	50.000.000	-
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	50.000.000	-
Cộng	67.771.862.875	88.957.268.851

19. Vốn chủ sở hữu**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	45.450.000.000	5.980.886.164	51.430.886.164
Lãi trong năm trước	-	229.062.937	229.062.937
Tăng khác	-	23.040.000	23.040.000
Trích lập các quỹ	-	(3.160.924.284)	(3.160.924.284)
Chia cổ tức	-	(2.727.000.000)	(2.727.000.000)
Số dư ngày 31/12/2015	45.450.000.000	345.064.817	45.795.064.817
Lãi trong năm nay	-	2.592.412.810	2.592.412.810
Số dư ngày 31/12/2016	45.450.000.000	2.937.477.627	48.387.477.627

19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	23.700.930.000	23.700.930.000
Vốn góp của các cổ đông khác	21.749.070.000	21.749.070.000
Cộng	45.450.000.000	45.450.000.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	45.450.000.000	45.450.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.450.000.000	45.450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
	-	2.727.000.000

19.4 Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.545.000	4.545.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

19.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	4.498.950.000		-	4.498.950.000
Cộng	4.498.950.000	-	-	4.498.950.000

Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư	-	35.000.000
Doanh thu hợp đồng xây lắp và kết cấu thép	240.335.702.624	239.011.117.783
Doanh thu cho thuê mặt bằng, cầu thép và cung cấp dịch vụ	3.382.999.109	2.184.173.653
Doanh thu bán tài sản trên đất	-	11.727.272.728
Cộng	243.718.701.733	252.957.564.164

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư	-	31.818.182
Giá vốn hợp đồng xây lắp và kết cấu thép	225.532.161.004	225.417.046.175
Giá vốn cho thuê mặt bằng, cầu thép và cung cấp dịch vụ	2.090.560.172	495.966.861
Giá vốn bán tài sản trên đất	-	6.927.203.194
Cộng	227.622.721.176	232.872.034.412

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi ký quỹ	571.955.707	1.488.159.415
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(106.000.000)	486.000.000
Cộng	465.955.707	1.974.159.415

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	3.460.475.607	6.399.011.992
Cộng	3.460.475.607	6.399.011.992

5. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu thanh lý TSCĐ	-	945.454.546
Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.375.462.415	-
Thu tiền sử dụng điện của các đơn vị khác	43.390.405	45.489.363
Thu nhập khác	1.226.773	880.139
Cộng	1.420.079.593	991.824.048

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	162.315.340
Lãi chậm nộp bảo hiểm	36.364.145	92.856.248
Thù lao Hội đồng quản trị	58.320.000	30.720.000
Nộp phạt hành chính, chậm nộp tiền thuê đất	1.744.174.184	8.217.171
Phân bổ chi phí tiền điện đơn vị khác sử dụng nhờ	542.116.066	45.489.381
Chi phí khác	1.211.857	265.488
Cộng	2.382.186.252	339.863.628

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	4.532.951.830	6.690.645.134
Chi phí vật liệu quản lý	-	92.961.994
Chi phí đồ dùng văn phòng	299.633.389	349.432.177
Chi phí khấu hao TSCĐ	351.998.589	1.353.427.571
Thuế, phí và lệ phí	2.877.009.422	2.621.032.972
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(1.000.000.000)	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.962.959	544.219.148
Chi phí bằng tiền khác	1.342.215.872	3.375.840.365
Cộng	8.567.772.061	15.027.559.361

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	82.532.092.310	107.997.618.316
Chi phí nhân công	29.694.048.688	51.121.074.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.231.737.242	2.448.962.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.918.933.081	74.854.816.648
Chi phí khác bằng tiền	3.874.045.349	6.893.955.823
Cộng	215.250.856.670	243.316.427.778

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.727.272.728
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.927.203.194
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.800.069.534
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.056.015.297
Hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh khác		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.571.581.937	(3.514.991.300)
Văn phòng Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	5.309.377.351	(2.256.618.445)
Xí nghiệp xây lắp và Thi công cơ giới	(124.366.854)	(1.320.631.841)
Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình	(1.613.428.560)	(868.119.585)
Xí nghiệp Xây lắp 4	-	(1.904.112)
Xí nghiệp Xây lắp 5	-	932.282.683
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.263.696	131.793.419
Chi phí không được trừ	1.218.263.696	131.793.419
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(106.000.000)	486.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(106.000.000)	486.000.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.895.845.633	(3.869.197.881)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động xây lắp và hoạt động khác	979.169.127	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	979.169.127	1.056.015.297

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.592.412.810	229.062.937
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.592.412.810	229.062.937
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.545.000	4.545.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	570,39	50,40

(): Công ty chưa có kế hoạch phân phối quỹ Khen thưởng phúc lợi.***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Bản giao khoản vay của Xí nghiệp Xây lắp số 5 sang Công ty cổ phần	14.213.603.866	-
Lãi vay nhập gốc	-	60.826.348
Thanh toán tiền vay thông qua công nợ	36.178.369	32.202.000
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm	54.601.456.271	84.483.660.657
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	54.601.456.271	84.483.660.657
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm	64.149.460.201	106.628.213.878
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	64.149.460.201	106.628.213.878

VIII. Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
 Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn
 Công ty TNHH MTV Xây lắp Hoá chất
 Công ty CP Bao bì Sông Công
 CN Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất H35
 Xí nghiệp Xây lắp H36

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Công ty liên kết
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2.1 Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng	-	4.977.238.396
Chi nhánh Tư vấn thiết kế và Xây dựng Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	-	2.365.818.182
	-	2.611.420.215
Doanh thu tài chính	(106.000.000)	-
Công ty CP Bao bì Sông Công	294.000.000	-
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	(400.000.000)	-

2.2 Số dư các bên liên quan

	01/01/2016 VND	
Phải thu khách hàng	13.670.403.355	13.876.307.755
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	6.693.785.916	6.693.785.916
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hoá chất	482.955.000	482.955.000
Chi nhánh Tư vấn thiết kế và Xây dựng Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	-	205.904.400
	6.493.662.439	6.493.662.439
Trả trước cho người bán	1.660.642.027	1.660.642.027
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Phải trả người bán	1.660.642.027	3.797.896.023
Công ty TNHH MTV Hóa chất Hà Bắc	-	2.137.253.996
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Người mua trả tiền trước	3.709.145.991	3.709.145.991
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.433.129.345	1.433.129.345
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	2.276.016.646	2.276.016.646
Phải trả khác	4.318.764.300	4.407.097.300
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.318.764.300	1.407.097.300
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	3.000.000.000	3.000.000.000
Dư có TK 1388	49.890.182	49.890.182
Công ty CP Bao bì Sông Công	49.890.182	49.890.182

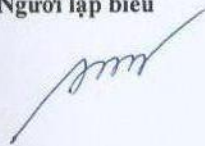
3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2017

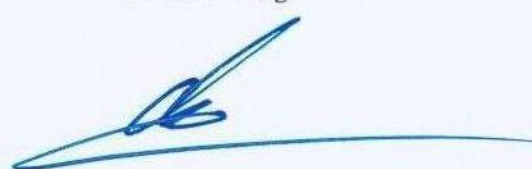
CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hùng

Giám đốc



Cao Minh Tâm